

Số: 09 /2014/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 03 tháng 9 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu các khoản thu tại các cơ sở giáo dục  
và đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh quản lý**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 về việc quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015; số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của liên bộ Tài chính - Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Nghị quyết số 216/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của HĐND tỉnh về quy định mức thu học phí, lệ phí thi trong các cơ sở giáo dục và đào tạo quốc dân tỉnh Hưng Yên từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 28/7/2014 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh mức thu học phí, lệ phí thi đối với các trường mầm non, trường phổ thông hệ công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của liên ngành Giáo dục và Đào tạo - Tài chính tại Tờ trình số 533/TTr-LN ngày 23/4/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu các khoản thu tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh quản lý như sau:

## 1. Mức thu học phí năm học 2014-2015

### a) Các trường mầm non, các trường phổ thông

#### - Hệ công lập

Bậc học	Mức thu khu vực nông thôn (Đồng/tháng/học sinh)	Mức thu khu vực thành phố (Đồng/tháng/học sinh)
+ Mầm non:		
Nhà trẻ	60.000	78.000
Mẫu giáo	48.000	66.000
+ Trung học cơ sở	42.000	54.000
+ Trung học phổ thông	54.000	66.000
+ Bổ túc trung học phổ thông	66.000	78.000

#### + Phương thức thu:

• Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học;

• Các trường phổ thông, học phí thu 9 tháng/năm học; các cơ sở giáo dục mầm non thu theo số tháng thực học;

• Thu theo mức thu khu vực thành phố gồm: Các trường mầm non và trường THCS đóng trên địa bàn các phường thuộc thành phố Hưng Yên; Trường THPT Chuyên Hưng Yên và Trường THPT Hưng Yên.

#### - Hệ ngoài công lập

Tự quyết định mức thu học phí, báo cáo cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, thông báo công khai mức thu học phí từng năm học và công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

### b) Các trường trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp

- **Các cơ sở công lập:** Cao đẳng bằng 0,8 và trung cấp bằng 0,7 mức trần học phí quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, cụ thể mức trần như sau:

Đơn vị tính: Đồng/tháng/sinh viên

Nhóm ngành	Mức trần
Khoa học xã hội; kinh tế; luật; nông, lâm, thủy sản	550.000
Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	650.000
Y, dược	800.000

Số tháng thu học phí: 10 tháng/năm học. Thu định kỳ hàng tháng, nếu học sinh, sinh viên tự nguyện có thể thu một lần cả học kỳ hoặc cả năm học.

- **Các cơ sở ngoài công lập:** Tự quyết định mức thu học phí, thông báo công khai mức thu từng năm học và dự kiến cả khóa học, thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

**c) Các trường trung cấp nghề (TCN), cao đẳng nghề (CDN)**

- **Các cơ sở công lập:** Áp dụng theo mức thu trần học phí tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Đồng/tháng/học sinh, sinh viên*

STT	Nghề	Năm 2014	
		TCN	CDN
1	Nhân văn: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý; dịch vụ xã hội	280.000	300.000
2	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	310.000	360.000
3	Thủ y	430.000	470.000
4	Khoa học sự sống; sản xuất và chế biến	440.000	480.000
5	Máy tính và công nghệ thông tin; công nghệ kỹ thuật	510.000	560.000
6	Dịch vụ vận tải	600.000	670.000

Số tháng thu học phí: 10 tháng/năm học. Thu định kỳ hàng tháng, nếu học sinh, sinh viên tự nguyện có thể thu một lần cả học kỳ hoặc cả năm học.

- **Các cơ sở ngoài công lập:** Tự quyết định mức thu học phí, thông báo công khai mức thu từng năm học và dự kiến cả khóa học, thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

- **Học phí học đối với sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên:** Được thu theo thỏa thuận với người học nghề.

**2. Mức thu lệ phí thi trong các trường phổ thông hệ công lập:**

*Đơn vị tính: Đồng/01 học sinh/01 môn, 01 chứng chỉ*

STT	Nội dung	Mức thu
1	Lệ phí thi tuyển vào lớp 10 THPT	40.000
2	Lệ phí thi tuyển vào lớp 10 THPT Chuyên	50.000
3	Lệ phí thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông	90.000
4	Phúc khảo bài thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT	30.000



### 3. Mức thu các khoản thu khác

#### a) Tiền học thêm

- Việc dạy thêm, học thêm thực hiện theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mức thu do thỏa thuận giữa cha, mẹ học sinh với nhà trường nhưng tối đa không vượt mức thu sau:

*Đơn vị tính: Đồng/học sinh/1 tiết*

Bậc học	Nông thôn	Thành phố
Trung học cơ sở	2.500	3.000
Trung học phổ thông	3.000	3.500
Trung học phổ thông chuyên		4.500

#### b) Các khoản thu khác

Thu theo số tháng thực học của năm học, thu theo thực tế của các trường trên cơ sở lấy thu bù chi, không mang tính kinh doanh, mức thu tối đa như sau:

*Đơn vị tính: Đồng/tháng/học sinh*

Khoản thu	Mức thu
Tiền trông xe đạp cho học sinh	5.000
Tiền điện thắp sáng và chạy quạt lớp học	6.000
Tiền nước uống của học sinh	5.000
Tiền thuê dọn vệ sinh (chỉ thu ở bậc học mầm non và tiểu học)	4.000
Tiền nội trú ký túc xá	70.000

c) **Tiền tổ chức ăn bán trú, chăm sóc bán trú, đồ dùng cá nhân của học sinh bán trú:** Mức thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; được UBND cấp xã và phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (nơi nhà trường hoạt động) phê duyệt.

d) **Tiền bảo hiểm thân thể học sinh, bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội, chữ thập đỏ:** Thực hiện theo quy định hiện hành.

#### 4. Đối tượng được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Chương II, Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ.

#### 5. Thời gian thực hiện

- Mức thu học phí thực hiện cho năm học 2014-2015.

- Mức thu lệ phí thi, các khoản thu khác thực hiện từ tháng 9/2014.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh Hưng Yên;

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông Vận tải; Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Lao động, Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kho bạc nhà nước tỉnh; các cơ sở giáo dục và đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh quản lý và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *a*

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CV; TH<sup>K</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Doãn Thế Cường**